

# Một số đặc trưng văn hóa của cư dân làng ven đô trong quá trình đô thị hóa (Nghiên cứu trường hợp tại thôn Mông Phụ, xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội)

Nguyễn Hoài Sơn<sup>(\*)</sup>

Ngô Thị Châm<sup>(\*\*)</sup>

**Tóm tắt:** *Biến đổi văn hóa trong quá trình đô thị hóa và hiện đại hóa là chủ đề học thuật hấp dẫn đối với giới nghiên cứu, đặc biệt từ nửa sau thế kỷ XX. Nhiều nghiên cứu về chủ đề này cho thấy một mặt nhiều giá trị văn hóa truyền thống dần suy yếu, mặt khác nhiều giá trị lại tồn tại bền bỉ trong dòng chảy hiện đại hóa. Xuất phát từ luận điểm lý thuyết này, bài viết phân tích một số đặc trưng văn hóa của cư dân thôn Mông Phụ (xã Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội) hiện nay.*

**Từ khóa:** Văn hóa, Biến đổi văn hóa, Làng ven đô, Đô thị hóa, Hiện đại hóa

**Abstract:** *Cultural changes in the process of urbanization and modernization are compelling academic topics for researchers, especially since the second half of the 20th century. Many studies show that several traditional cultural values gradually weaken while many others persist in the flow of modernization. Based on this theoretical thesis, the paper analyzes some cultural characteristics of the residents in Mong Phu village (Duong Lam Commune, Son Tay Town, Hanoi City) today.*

**Keywords:** Culture, Cultural Changes, Peri-urban Village, Urbanization, Modernization

## 1. Đặt vấn đề

Hiện đại hóa và biến đổi văn hóa là chủ đề được đông đảo giới nghiên cứu quan tâm từ nửa sau thế kỷ XX, đặc biệt là các học giả như S. Huntington, R. Inglehart, W. Baker... S. Huntington (1971) cho rằng, sự lưỡng phân vĩ đại giữa xã hội công nghiệp

hiện đại và nông nghiệp truyền thống chính là quá trình hiện đại hóa. Một mặt S. Huntington nhận xét rằng các giá trị văn hóa có ảnh hưởng lâu dài trong xã hội hiện đại, mặt khác thừa nhận hiện đại hóa phá vỡ nhiều phong tục, tập quán truyền thống.

Tiếp nối S. Huntington, R. Inglehart và W. Baker (2000) cho rằng, biến đổi văn hóa trong quá trình hiện đại hóa, đô thị hóa rất phức tạp, trong cùng một không gian xã hội có thể diễn ra cả hai xu hướng: 1/ Một số giá trị truyền thống sẽ suy tàn và được

---

<sup>(\*)</sup> ThS., Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: nguyensonsw@gmail.com

<sup>(\*\*)</sup> Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: chammazer@gmail.com

thay thế bằng những giá trị hiện đại vốn là kết quả hội tụ của các động lực kinh tế và chính trị; và 2/ Sự bền bỉ của những giá trị truyền thống bất chấp sự biến đổi của kinh tế, chính trị. Tuy nhiên, R. Inglehart và W. Baker vẫn nhấn mạnh hơn đến sự tồn tại bền bỉ của các giá trị truyền thống trong các xã hội công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Ở Việt Nam, các vùng nông thôn và ven đô chứng kiến quá trình biến đổi văn hóa hết sức đa dạng và phức tạp. Sự biến mất, giải thể, duy trì hay hồi sinh của các giá trị văn hóa ở vùng nông thôn, ven đô phụ thuộc và chịu ảnh hưởng từ quá trình đô thị hóa ở nhiều mức độ khác nhau. Để làm rõ đặc trưng văn hóa của cư dân thôn Mông Phụ, chúng tôi tập trung phân tích các khuôn mẫu ứng xử trong những hoàn cảnh, điều kiện sống cụ thể. Bởi các khuôn mẫu ứng xử định dạng diện mạo văn hóa của các nhóm xã hội khác nhau và đó cũng chính là một thành tố của văn hóa.

Trong nghiên cứu này, vùng ven đô được hiểu là khu vực cận kề với đô thị. Đây là nơi vừa có các hoạt động đặc trưng cho nông thôn, vừa có các hoạt động mang tính chất đô thị. Vùng ven đô không tồn tại độc lập mà nằm trong một miền liên thông nông thôn - ven đô - đô thị.

## 2. Vài nét về địa bàn khảo sát và nguồn dữ liệu

Thôn Mông Phụ nằm ở trung tâm xã Đường Lâm, phía Nam thị xã Sơn Tây của thành phố Hà Nội, cách trung tâm Hà Nội 47 km. Tính đến tháng 12/2016, Mông Phụ có 414 hộ với dân số khoảng 3.700 nhân khẩu (Ủy ban nhân dân xã Đường Lâm, 2017). Số liệu khảo sát năm 1990 cho thấy, làng Mông Phụ có 1.562 người thuộc 346 hộ, trong đó 1.409 người được xem là gốc ở Mông Phụ (Nguyễn Tùng, 2000). Biến động nhân khẩu ở Mông Phụ chủ yếu là do

tăng dân số tự nhiên, tình trạng nhập cư từ vùng khác đến rất ít. Đây là điểm khác biệt cần chú ý giữa Mông Phụ so với các làng ven đô khác - nơi thường chứng kiến tình trạng nhập cư rất sôi động trong quá trình đô thị hóa. Đa số người dân Mông Phụ hiện nay vẫn làm nông nghiệp, kết hợp với kinh doanh, buôn bán, làm thuê mướn hoặc nghề truyền thống (làm đậu, tương, nấu rượu, mộc). Lãnh đạo địa phương cũng cho biết, *nhiều người dân ở Mông Phụ làm việc ở các đô thị như nội thành Hà Nội hay thị xã Sơn Tây, song chủ yếu là “sáng đi, tối về”* (PVS nam 47 tuổi, cán bộ xã).

Mông Phụ là một làng cổ trong số bốn làng được xem là “rất xưa” thuộc xã Đường Lâm. Mông Phụ có nhiều di tích lịch sử nổi tiếng như Cổng làng, Đình Mông Phụ hay Nhà thờ danh nhân Giang Văn Minh. Năm 2005, Đường Lâm là ngôi làng cổ đầu tiên được trao bằng Di tích lịch sử văn hóa quốc gia. Trên thực tế, làng cổ Đường Lâm là tập hợp của các ngôi làng cổ khác nhau, trong đó Mông Phụ giữ vị trí quan trọng.

Nguồn dữ liệu chính của bài viết dựa trên kết quả khảo sát định tính (quan sát, phỏng vấn sâu (PVS) và thảo luận nhóm) tại thôn Mông Phụ vào tháng 6/2018. Nhóm nghiên cứu thực hiện 8 PVS và 1 thảo luận nhóm với đại diện của các hộ gia đình trong thôn, 2 PVS với đại diện chính quyền xã và thôn. Trong 8 PVS với các chủ hộ, chúng tôi chia theo nghề nghiệp như sau: 2 hộ thuần túy làm nông nghiệp; 2 hộ làm nông nghiệp kết hợp buôn bán, dịch vụ; 2 hộ là công nhân, viên chức; 2 hộ chuyên làm dịch vụ du lịch.

## 3. Một số đặc trưng văn hóa của cư dân thôn Mông Phụ

### \* Văn hóa ẩm thực

Khi tìm hiểu về văn hóa ẩm thực tại Mông Phụ vào cuối thập niên 1990, N. Krowolski (2000) chỉ ra, các bữa ăn hàng

ngày trong cả năm của người dân thường đạm bạc và đơn điệu. Suốt từ thập niên 1990 trở về trước, thành phần bữa ăn chính hàng ngày của họ chủ yếu là cơm (hoặc ngô) với rau, đậu và tương, hiếm khi có thịt, cá. Hiện nay, theo quan sát của chúng tôi, sự cải thiện mức sống trong nhiều năm qua chưa khiến dân làng bỏ thói quen đạm bạc từ xưa. Dù thành phần bữa ăn có đa dạng hơn song nhìn chung người làng vẫn khá chất bóps trong chi tiêu cho ăn uống. *Nói chung bữa ăn hàng ngày thì đơn giản thôi, rau dưa nhà trồng được là chủ yếu, thức ăn thì đậu, cũng có bữa thịt, bữa cá, người làng này vẫn ăn uống tiết kiệm lắm* (PVS nam 65 tuổi, bán tạp hóa).

Lý do phổ biến để giải thích cho việc tiết kiệm, đạm bạc trong ăn uống hàng ngày của người dân nơi đây nghiêng nhiều về lịch sử sinh kế. Ruộng đất của thôn Mông Phụ thuộc vùng bán sơn địa, không trù phú và năng suất thấp. Trước đây, thôn cũng phải đối mặt với mất mùa do thiên tai, dịch bệnh và tình trạng thiếu ăn, giống như nhiều làng ở miền Bắc. Đây cũng là vùng chiêm trũng nên trong quá khứ từng bị lụt nhiều lần. Bởi vậy, *người ta tằn tiện hàng ngày vì sợ gặp lúc tai ương* (PVS nam 47 tuổi, Phó Chủ tịch xã).

Trái lại với các bữa ăn hàng ngày, cả trước đây và hiện nay, trong các sự kiện như đám cưới hay tang ma, các dịp lễ tết, các gia đình lại tổ chức ăn uống rất linh đình. Theo ghi chép của N. Krowolski (2000), các gia đình chi tiêu (tiền đi chợ) trong bốn, năm ngày Tết bằng cả tháng thường, thậm chí vượt xa. Thành phần bữa cỗ phải có nhiều món thịt, khác hẳn bữa ăn hàng ngày.

Trong ngày đầu tiên đi điền dã vào tháng 6/2018, chúng tôi gặp một đám hiếu với 60 mâm cỗ (tương đương 360 lượt khách), thành phần khách chủ yếu là người

trong gia đình, họ hàng. Đây là con số khá lớn cho một đám hiếu. Tuy vậy quy mô ăn uống đã giảm so với trước đây. *Hiện nay đám hiếu chỉ những người đội khăn trắng mới ăn, còn lại chỉ đến thăm viếng chia buồn rồi về, chứ ngày xưa là ở lại ăn cả* (PVS nam 65 tuổi, bán tạp hóa). Khi so sánh với các làng ven đô khác thì đây vẫn là một quy mô ăn uống khá lớn<sup>(\*)</sup>. *Đám cưới ở đây giờ vẫn cứ phải trăm mâm* (PVS nữ 68 tuổi, làm nông nghiệp). Có thể thấy, mặc dù nếp sống đạm bạc trong ăn uống thường ngày song lại linh đình khi có các sự kiện quan trọng vẫn còn khá rõ nét ở Mông Phụ.

Tổ chức ăn uống linh đình trong dịp ma chay, hiếu hỉ không chỉ là đặc trưng riêng ở Mông Phụ mà là điểm chung của nhiều làng ở miền Bắc. Điều đáng nói là, như chúng tôi đã dẫn, trong khi nhiều khu vực ven đô khác đã giảm quy mô ăn uống cho các sự kiện này thì chúng vẫn được duy trì ở Mông Phụ. Nói cách khác, trong khi “bữa cỗ” và bữa ăn hàng ngày có xu hướng xích lại gần nhau (quy mô, chất lượng) ở nhiều khu vực ven đô thì điều này lại chưa phổ biến ở Mông Phụ.

Thế diện là lý do quan trọng tạo nên nếp ăn uống này ở Mông Phụ, nó rất có ý nghĩa với người dân ở đây. Cụ từ đình của làng Mông Phụ (80 tuổi) - một người có uy tín và am hiểu lịch sử đời sống nơi đây - cho biết, người làng có quan niệm *ở rộng người cười, ở hẹp người chê*. Tổ chức ăn uống khi có hiếu hỉ là dịp để các gia đình

(\*) Nghiên cứu ở làng Xuân Đình (nay thuộc phường Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội) cho thấy đám tang hiện nay chỉ khoảng 20 mâm cỗ (Nguyễn Thị Phương Châm, Đỗ Lan Phương, 2016) hay ở Trung Kính Hạ (trước đây thường được gọi là làng Giàn, nay thuộc phường Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội) trước kia ăn gần 100 mâm thì nay chỉ khoảng 30 mâm (Trần Thị Hồng Yến, 2013), nghĩa là đã giảm đi khá nhiều.

giữ thể diện - không quá rộng rãi nhưng cũng không quá tần tiện.

Chọn cách xử sự để nhà mình không quá nổi trội song cũng không quá tần tiện, kiểu “nhìn nhau mà sống” còn được thể hiện qua việc ăn ở hàng quán. Việc ăn uống ở ngoài hàng quán cũng khá hiếm gặp ở Mông Phụ, người dân chủ yếu nấu ăn tại nhà. *Dân Mông Phụ một phần vì tiết kiệm, một phần vì ở đây người ta toàn thể. Người ta ngại bước chân ra ngõ gặp người họ, người kia nhìn thấy đi ăn hàng ăn quán* (PVS nam 42 tuổi, nhân viên kinh doanh). Chuẩn mực ứng xử đề cao tính bình quân, đồng dạng - một đặc trưng rất rõ của làng Việt truyền thống - vẫn chi phối và ảnh hưởng khá lớn đến đời sống ở Mông Phụ, cụ thể ở đây là việc ăn uống. Việc duy trì một kiểu nguyên tắc xã hội như vậy cũng là cách để người dân xác nhận mình là một tế bào của cộng đồng.

*\* Việc tiếp cận thông tin*

Một số nghiên cứu về biến đổi văn hóa làng ven đô trong quá trình đô thị hóa ở Việt Nam đã chỉ ra xu hướng đa dạng hóa trong việc tiếp cận thông tin và các loại hình giải trí của người dân (Trần Thị Hồng Yến, 2013; Nguyễn Đình Tuấn, 2013; Nguyễn Thị Phương Châm, Đỗ Lan Phương, 2016). Mông Phụ cũng không nằm ngoài xu hướng này. Trong bối cảnh hiện nay, người dân ở đây tiếp cận nhiều nguồn thông tin đa dạng qua nhiều phương tiện khác nhau.

Trong thời kỳ hợp tác hóa và những năm sau Đổi mới, đài phát thanh (với hệ thống loa phát thanh của xã, thôn) và các mạng lưới xã hội như gia đình, hàng xóm là những kênh thông tin quan trọng của người dân Mông Phụ. Hệ thống phát thanh cung cấp các thông tin về tình hình sản xuất nông nghiệp, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình của địa phương hay hoạt động

của các đoàn thể. Hiện nay, đài phát thanh đã không còn là kênh chính, thay vào đó tivi và điện thoại di động là kênh thông tin chính của người dân Mông Phụ.

Thông tin được người dân tiếp nhận khá đa dạng, từ các vấn đề thời sự đến các thông tin về kinh tế, văn hóa, xã hội, các chương trình giải trí, du lịch, thể thao,... Bên cạnh việc sử dụng Internet để tiếp nhận thông tin đa chiều và rộng hơn, nhiều gia đình còn dùng để phục vụ việc học tập của con cái và giải trí: *Nhà lắp Internet, có cả máy tính cho trẻ con dùng, mình đọc báo qua điện thoại, còn tối xem thời sự* (PVS nữ 34 tuổi, công chức).

Một kênh thông tin cũng đang giảm dần vai trò ở Mông Phụ trong hiện đại hóa là các mạng lưới xã hội. Giao tiếp liên cá nhân thông qua các mạng lưới xã hội như họ hàng, làng xóm, các hội, nhóm từng giữ vai trò huyết mạch của luồng chảy thông tin trong các xã hội nông nghiệp cổ truyền. Các mạng lưới này không chỉ là nơi thành viên thu nhận, truyền tải thông tin mà còn là không gian để họ tiếp nhận và thực hành các giá trị, chuẩn mực ứng xử. Đó là nơi các thành viên hội nhập vào đời sống chính trị, xã hội làng xã. Sự xuất hiện của các phương tiện truyền thông đại chúng trong đời sống hiện đại, đặc biệt là tivi và điện thoại đã làm giảm vai trò cung cấp, trao đổi thông tin của các mạng lưới cũ. Sự thay đổi lối sống cũng là lý do quan trọng. Một người dân Mông Phụ cho biết: *Ngày xưa đi làm đồng, hội làng, hội đình nên hay trò chuyện về đủ thứ trên đời, giờ mỗi người mỗi việc, nhất là tụi trẻ nó đi làm giờ hành chính, thời gian đâu mà gặp gỡ nữa* (PVS nam 70 tuổi, bán tạp hóa).

Tuy vậy, không hẳn là các mạng lưới xã hội mất hoàn toàn vai trò cung cấp và trao đổi thông tin ở Mông Phụ. Đối với nhiều

người, đặc biệt là thế hệ trung niên và cao niên thì họ hàng, làng xóm, các nhóm, hội vẫn là một kênh thông tin quan trọng. Cụ từ đình làng cho biết: *Nhiều thông tin quan trọng về tình hình, công việc chung của địa phương được thông báo, trao đổi qua các buổi họp được tổ chức ở đình*. Điều này cũng gợi ra những câu hỏi về vai trò của các hội, nhóm trong đời sống người dân làng cổ hiện nay, đặc biệt là vai trò trao đổi thông tin và duy trì các chuẩn mực văn hóa<sup>(\*)</sup>.

*\* Sự cố kết cộng đồng*

Sự cố kết cộng đồng là một giá trị quan trọng với người Mông Phụ, song cũng giống như nhiều giá trị khác, nó đã và đang ít nhiều thay đổi. Điều này được thể hiện qua nhiều mặt khác nhau của đời sống mà ở đây chúng tôi lựa chọn hai góc nhìn để phân tích, đó là: hôn nhân và tham gia lễ hội.

Ở khía cạnh hôn nhân, Mông Phụ trước đây, cũng giống như nhiều làng ở đồng bằng sông Hồng, là một cộng đồng có địa vực rõ ràng, dân số tương đối thuần nhất, có lực quy tâm mạnh. Nội hôn là một đặc điểm nổi bật ở làng cổ Mông Phụ. Trong các cuộc hôn nhân cử hành từ năm 1972 đến 1990 ở Mông Phụ, có đến 85% đàn ông của thôn lấy vợ cùng xã, trong đó hơn 60% lấy vợ cùng thôn. Gần 67% phụ nữ thôn lấy chồng trong xã và 43% lấy người cùng thôn. Trước năm 1945, tỷ lệ nội hôn ở đây cũng khá cao - 85% (Krowolski, 2000). Ở Mông Phụ có câu ca dao: *Cháu cậu mà lấy cháu cô/ Thóc lúa đầy bồ giống má nhà ta*.

Trong chừng mực nhất định, người Mông Phụ khuyến khích nội hôn. Theo

Hương ước của thôn, nếu kết hôn ngoài thôn, tiền cheo phải trả cho thôn thường cao hơn nhiều so với kết hôn cùng thôn<sup>(\*)</sup>. Vì mức độ nội hôn khá cao trong cộng đồng được duy trì qua nhiều thế hệ nên ở Mông Phụ gần như người nào cũng có quan hệ thân thích, thân tộc, không gần thì xa với rất nhiều người khác trong thôn. Một mạng lưới quan hệ chằng chịt và bền chặt như vậy cho phép chúng ta hình dung ra mức độ cố kết của cộng đồng Mông Phụ trong suốt một thời gian dài.

Hiện nay, quan điểm về hôn nhân cũng đã có sự thay đổi, khác biệt, nhất là theo nhóm tuổi. Đối với những người chủ yếu làm nông nghiệp và ở tuổi trung niên và cao niên, việc con cái lấy vợ, lấy chồng gần (được hiểu là trong phạm vi xã) vẫn được khuyến khích. Theo họ: *bản cùng lắm mới phải lấy xa chứ gì bằng gần* (PVS nam 70 tuổi, bán hàng nước). Có nhiều lý do cho việc mong muốn con cái kết hôn với người gần nhà, ví dụ như *chúng nó lấy người trong làng, trong xã thì còn biết mặt, biết mũi nhà người ta* (PVS nữ 48 tuổi, nông nghiệp) hay *lấy gần thì đỡ vất vả hơn, lấy xa mỗi lần đi qua đi lại tốn kém thời gian, tiền bạc* (PVS nam 65 tuổi, bán tạp hóa).

Còn với những người trẻ và đã thoát ly ra khỏi làng thì quan niệm về hôn nhân đã có sự thay đổi. Đối với họ, hiện nay *hợp duyên nhau thì lấy thôi chứ trong làng hay ngoài làng không quá quan trọng* (PVS nữ 35 tuổi, nhân viên kinh doanh). Những

<sup>(\*)</sup> Trong công trình *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ*, P. Gourou (1936) đã phát hiện xu hướng của người nông dân “thích lập các phe nhóm” và tham gia vào các đoàn thể tự nguyện. Trong các hội nhóm đó, họ làm quen với đời sống cộng đồng, tập dượt vai trò họ sẽ đóng trong làng, “học cách ăn nói”.

<sup>(\*)</sup> “Tiền cheo” là khoản tiền nộp cho làng khi người con gái lấy chồng. Khoản tiền này thường do nhà trai lãnh trả như một sinh lễ trong thủ tục cưới hỏi, bên nhận là làng cô dâu. Điều 85 trong Hương ước Mông Phụ ấn định tiền cheo là 1,5 đồng khi lấy vợ trong thôn và 10 đồng khi lấy vợ thôn khác. Ở thôn Cam Thịnh (cùng thuộc xã Đường Lâm), theo thứ tự, tiền cheo là 1,2 và 5 đồng; ở Cam Lâm là 3 và 10 đồng.

người lớn tuổi cũng nhận thấy sự thay đổi này: *Những đứa nào đã rời khỏi làng thì khi quay về lấy vợ ở làng. Chỉ có những đứa quanh quẩn ở đây, sáng đi chiều về còn lấy vợ lấy chồng trong làng hoặc xung quanh* (PVS nam 70 tuổi, bán hàng nước).

Trong mẫu phỏng vấn, chúng tôi gặp một trường hợp nữ 37 tuổi, sinh ra ở nơi khác, lấy chồng gốc Mông Phụ. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống ở nội thành Hà Nội. Vì chồng là con trưởng nên hai vợ chồng được gia đình “phân công” về xây nhà trên mảnh đất của bố mẹ ở Mông Phụ (sống cùng mẹ chồng), dù không thích nhưng chị cũng đành bỏ việc ở Hà Nội về làm ở thị xã Sơn Tây, sáng đi tối về.

Những phân tích trên đây cho thấy, mong muốn con cái kết hôn gần để duy trì một mạng lưới họ hàng, thân tộc gần gũi bền chặt qua đó tăng cường sự cố kết cộng đồng còn khá mạnh ở Mông Phụ. Điều này còn được thể hiện qua hoạt động tham gia lễ hội sẽ được trình bày sau đây.

Ở khía cạnh lễ hội, Đình làng Mông Phụ có vị trí quan trọng trong đời sống tâm linh văn hóa của người Mông Phụ. Hằng năm, từ ngày mùng 4 đến mùng 10 tháng Giêng Âm lịch, lễ hội truyền thống của Mông Phụ được diễn ra tại đình. Lễ hội là một dịp rất quan trọng thể hiện sự cố kết và lực quy tâm mạnh của cộng đồng Mông Phụ. Trong truyền thống, lễ tế ở Mông Phụ (hoạt động quan trọng nhất của lễ hội) được phân công cho các giáp đảm nhận. Mỗi năm một giáp được chọn để lo lễ tế chính, các giáp còn lại dâng lễ theo truyền thống. Hiện nay, tổ chức giáp không còn tồn tại ở Mông Phụ cũng như hầu hết các làng ở Việt Nam. *Việc tổ chức lễ tế chính ở làng được chia cho các xóm chịu trách nhiệm, mỗi xóm thực hiện một năm* (PVS nam 80 tuổi, từ đình). Các thủ tục, nghi lễ trong lễ hội cũng được

cắt giảm nhiều so với trước đây song vẫn là dịp để tăng cường sự cố kết cộng đồng.

Trước đây, sau phần lễ tế, dân làng sẽ tập trung ăn uống ở Đình. Hiện nay, hoạt động này vẫn được duy trì nhưng không thường xuyên: *Quy mô ăn uống thì vài chục mâm do dân tự nấu, kinh phí ai ăn thì đóng góp, thiếu sẽ có các nhà tài trợ* (người gốc ở làng, thành đạt, có kinh tế) (PVS nam 70 tuổi, bán hàng nước). Đây là dịp quan trọng bởi đó là cơ hội gặp gỡ, giao lưu, thắt chặt tình làng nghĩa xóm giữa người dân trong thôn với nhau, giữa những người dân gốc ở đây (nhiều người Mông Phụ hiện đang sống ở các nơi khác, thậm chí rất xa, cũng về tham dự và ăn cỗ). Ăn uống trong dịp lễ hội ở làng, xóm còn biểu thị tình đoàn kết của người làng. Đối với nhiều người, *vắng đầu thì vắng chứ ngày hội đình với tảo mộ là không thể vắng được, vắng người ta trách mình chết, nhiều người ở xa bận đến mấy cũng sắp xếp mà về* (PVS nữ 48 tuổi, làm nông nghiệp).

Thôn Mông Phụ hiện nay vẫn chú trọng việc đào tạo thế hệ kế cận để duy trì được bản sắc của lễ hội đình truyền thống. Cụ từ đình của thôn cho biết: *tất nhiên là mình phải thay đổi cho phù hợp với hoàn cảnh, các nghi lễ không thể theo 100% như các cụ trước đây được nhưng phải giữ được những cái chính. Ở Đình vẫn tổ chức dạy về lễ tế, rước kiệu, hát, múa cho nhóm thanh niên*.

Về cơ bản Mông Phụ vẫn là một cộng đồng khá thuần nhất, có lực quy tâm mạnh và đề cao sự cố kết cộng đồng. Mặt khác, có thể nhận thấy xu hướng tái cấu trúc đời sống văn hóa để thích ứng với những biến đổi mới. Điều này cũng chia sẻ với phát hiện của nhiều nghiên cứu đi trước về “tính chủ thể tự quyết”, tính linh hoạt, thích ứng của người dân ở các cộng đồng thôn, làng để bảo lưu các giá trị văn hóa truyền thống.

#### 4. Kết luận

Về khía cạnh văn hóa, ven đô là một khái niệm có tính di động cao với nhiều khu vực mang các đặc trưng văn hóa khác nhau. Nói cách khác, cùng là ven đô song mỗi khu vực lại có lối sống và mức độ đô thị hóa riêng. Phác qua một số nét văn hóa ở làng Mông Phụ hiện nay cho phép nhận diện một tình thế dằng dằng giữa truyền thống và hiện đại, giữa lối sống nông thôn và lối sống đô thị.

Cần lưu ý rằng dù là một làng ven đô song Mông Phụ có nhiều điểm khác biệt so với các khu vực ven đô khác. Trong suốt thời gian dài, việc người ngoài làng nhập cư và mua bán đất đai ở đây gần như không diễn ra. Điều này khác hoàn toàn so với các điểm ven đô khác của Hà Nội như Phú Thượng, Xuân Đình, Mỹ Đình, Định Công trước đây hay khu vực xung quanh thị trấn Phùng hiện nay. Cấu trúc dân cư với sự đồng dạng về mặt lịch sử và văn hóa được bảo tồn khá nguyên vẹn. Mặt khác là sự tồn tại khá vững chắc của cơ sở kinh tế nông nghiệp - cái bị phá vỡ nhanh chóng tại các vùng ven đô dưới làn sóng đô thị hóa. Như đã đề cập, đa số hộ ở Mông Phụ hiện nay vẫn chủ yếu hoặc dính dáng tới công việc đồng áng. Những lý do kể trên cộng với truyền thống lâu đời và tác động của chính sách làng cổ vừa là cơ sở, vừa là nhân tố duy trì một diện mạo văn hóa rất riêng ở Mông Phụ. Điều này còn gợi ý cần có thêm nhiều nghiên cứu so sánh về biến đổi văn hóa ở các điểm ven đô đang trên các các chặng khác nhau của quá trình đô thị hóa □

#### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Phương Châm, Đỗ Lan Phương (2016), *Làng ven đô và sự biến đổi văn hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Gourou, P. (1936), *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
3. Huntington, S. (1971), "The change to change: Modernization, Development, Politics", *Comparative Politics*, Vol.3, No.3, pp. 283-322.
4. Inglehart, R., Baker, W. (2000), "Modernization, Cultural Change and Persistence of Traditional Values", *American Sociological Review*, Vol.6, No.1.
5. Krowolski, N. (2000), "Âm thực ở làng quê: từ bữa ăn hàng ngày đến bữa tiệc", trong: Nguyễn Tùng (chủ biên, 2000), *Mông Phụ: Một làng ở đồng bằng sông Hồng*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
6. Nguyễn Đình Tuấn (2013), *Biến đổi văn hóa trong cộng đồng dân cư vùng đô thị hóa*, Luận án tiến sĩ Nhân học, Học viện Khoa học xã hội.
7. Nguyễn Tùng (chủ biên, 2000), *Mông Phụ: Một làng ở đồng bằng sông Hồng*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
8. Ủy ban nhân dân xã Đường Lâm (2017), *Báo cáo kinh tế xã hội xã Đường Lâm năm 2017*.
9. Trần Thị Hồng Yến (2013), *Biến đổi về xã hội và văn hóa ở các làng quê trong quá trình đô thị hóa tại Hà Nội*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.